**Công tác quản lý hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thủy sản có niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay : Thực trạng và giải pháp**

**Lê Thị Huyền Trâm1; Nguyễn Khánh Thu Hằng2**

1 Th.S Lê Thị Huyền Trâm, Giảng viên khoa Kế toán, Đại học Duy Tân

E-mail: [lehuyentram1606@gmail.com](mailto:lehuyentram1606@gmail.com)

2 Th.S Nguyễn Khánh Thu Hằng, Giảng viên khoa Kế toán, Đại học Duy Tân

E-mail: [nguyenkhanhthuhang@gmail.com](mailto:nguyenkhanhthuhang@gmail.com)

**Tóm tắt**

Trong các doanh nghiệp (DN), hàng tồn kho (HTK) luôn là khoản mục tài sản chiếm tỷ trọng lớn có ảnh hưởng quyết định đến cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của đơn vị trong chu kỳ kinh doanh. Nội dung bài viết đưa ra những phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý hàng tồn kho tại các DN thủy sản đang niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay thông qua việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Trên cơ sở của việc khảo sát, đánh giá nhóm tác giả bài viết đưa ra một số trao đổi, hàm ý chính sách đối với các nhà quản lý tại các DN trong thời gian đến.

**Từ khóa:** quản lý hàng tồn kho; DN thủy sản, niêm yết, Việt Nam.

**1. Đặt vấn đề**

Trong giai đoạn hiện nay, ngành thuỷ sản Việt Nam là một trong số các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế. Với điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi, các doanh nghiệp thuỷ sản Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân không chỉ về mặt giá trị kinh tế mà còn tạo ra công ăn việc làm cho người lao động. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN (VASEP), với trên 300 triệu USD kim ngạch xuất khẩu trong nửa cuối tháng 12, xuất khẩu thủy sản của VN trong năm 2017 đạt trên 8,3 tỉ USD, tăng gần 19% so với năm 2016. Tuy nhiên, thuỷ sản là ngành có tính cạnh tranh cao, các DN thuỷ sản Việt Nam luôn phải đối đầu với những thách thức gay gắt về chất lượng, giá cả, các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực thẩm, v.v.. nên các DN thuỷ sản Việt Nam cần phải sử dụng các công cụ quản trị hiệu quả nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh. Trong đó quản lý HTK là nội dung quan trọng, giúp các DN nắm được tình hình quản lý, sử dụng HTK và đưa ra các giải pháp, các chính sách đúng đắn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**2. Giới thiệu về phương pháp quản lý hàng tồn kho**

Quản lý HTK có ý nghĩa kinh tế quan trọng do hàng tồn kho là một trong những tài sản có giá trị lớn. HTK có đặc điểm nếu hàng tồn kho dự trữ quá nhiều thì sẽ bị ứ đọng vốn, DN phải tốn thêm những chi phí liên quan đến dự trữ. Ngược lại, để sản xuất liên lục tránh đứt quãng trong dây chuyền sản xuất, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người tiêu dung thì DN phải đảm bảo về dự trữ HTK. Do vậy các doanh nghiệp cần phải có phương pháp quản lý HTK hiệu quả, có thể kể một số phương pháp sau:

*\* Quản lý HTK theo mô hình EOQ*

Mô hình kiểm soát dự trữ cơ bản EOQ được đề xuất và ứng dụng từ năm 1915, cho đến nay nó vẫn được hầu hết các doanh nghiệp sử dụng. Kỹ thuật kiểm soát dự trữ theo mô hình này rất dễ áp dụng, nhưng khi sử dụng nó, người ta đã phải dựa vào những giả thiết quan trọng, đó là:

- Nhu cầu phải biết trước và nhu cầu không đổi;

- Phải biết trước thời gian kể từ khi đặt hàng cho tới khi nhận được hàng và thời gian đó không đổi;

- Lượng hàng của mỗi đơn hàng được thực hiện trong một chuyến hàng và được thực hiện ở một thời điểm đã định trước;

- Chỉ có duy nhất 2 loại chi phí là chi phí tồn trữ và chi phí đặt hàng;

- Sự thiếu hụt trong kho hoàn toàn không xảy ra nếu như đơn đặt hàng được thực hiện đúng thời gian.

Công thức xác định mức đặt hàng hiệu quả:



Chi phí đặt hàng: 

Chi phí tồn kho: 

TC: tổng chi phí tồn kho

D­a: Tổng nhu cầu trong năm

S: chi phí một lần đặt hàng

H: chi phí tồn kho đơn vị trong năm

Q: quy mô đặt hàng

EOQ: mức đặt hàng hiệu quả

Mức đặt hàng hiệu quả:  là mức đặt hàng tại đó chi phí đặt hàng bằng chi phí tồn kho.

*\* Quản lý HTK theo phương pháp cung cấp đúng lúc (JIT)*

Hệ thống quản lý HTK “Just In Time” được phát triển bởi công ty Toyota Nhật Bản vào những năm 90 nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong quản lý HTK. Hệ thống quản lý HTK dựa trên ý tưởng thay vì tốn chi phí cho việc dự trữ hàng hoá thì các nhà sản xuất có thể cung cấp số lượng cần thiết về thời điểm giao hàng và số lượng cần giao. Chính vì vậy không có tình trạng tồn trữ và thiếu hụt nguyên vật liệu.

Lượng dự trữ đúng thời điểm là lượng dự trữ [tối](https://www.facebook.com/) thiểu cần thiết để giữ cho hệ thống sản xuất và điều hành hoạt động bình thường. Với phương pháp cung cấp đúng lúc và dự trữ đúng thời điểm hay hàng tồn kho bằng không, người ta có thể xác định khá chuẩn xác số lượng của từng loại hàng tồn kho trong từng thời điểm nhằm đảm bảo hàng được đưa đến nơi có nhu cầu đúng lúc, kịp thời để cho hoạt động của những nơi đó được đảm bảo liên tục, tuy nhiên lại không bị sớm quá hay muộn quá.

Trong thực tế ở các DN thì ngoài việc áp dụng các mô hình trên thì để phục vụ công tác quản lý HTK đạt hiệu quả, các DN cần đảm bảo một số nội dung như:

- HTK thường chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng số tài sản của một DN và rất dễ bị xảy ra các sai sót hoặc gian lận lớn trong hoạt động quản lý nên cần phải quản lý chặt chẽ, quản lý HTK từ khâu nhập kho, luân chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán đồng thời phải xây dựng định mức HTK để có thể kiểm soát chi phí thực tế…

- HTK là một khái niệm rộng, bao gồm rất nhiều loại khác nhau nên DN cần mở hệ thống tài khoản chi tiết để theo dõi từng loại nhằm nắm rõ hơn về tình hình nhập- xuất- tồn đồng thời thuận tiện cho quá trình kiểm soát.

- HTK nói chung và đặc biệt là nguyên vật liệu thường được nhập xuất kho thường xuyên. Chính vì vậy để đảm bảo thuận tiện, tránh nhầm lẫn cho công tác quản lý và hạch toán số lượng và giá trị của từng loại, các DN trên cơ sở phân loại theo vai trò và công dụng cần mở các loại sổ để phục vụ nhu cầu quản lý.

**3. Thực trạng về công tác quản lý hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến Thủy sản có niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay**

**3.1 Đặc điểm chung về hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thủy sản**

Hàng tồn kho trong doanh nghiệp thường gồm nhiều loại, có vai trò, công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó, đòi hỏi công tác tổ chức, quản lý và hạch toán hàng tồn kho cũng có những nét đặc thù riêng. Đối với các DN chế biến thủy sản thì HTK có những đặc điểm cơ bản sau:

- Sản phẩm có đặc điểm là đa dạng, chu kỳ sản xuất ngắn. Cùng một quá trình sản xuất, cùng loại nguyên vật liệu có thể cho ra rất nhiều loại sản phẩm có kích cỡ khác nhau, chủ yếu là cá, tôm, mực…

- HTK trong các DN thủy sản là một bộ phận của tài sản ngắn hạn bao gồm thành phẩm, sản phẩm dở dang, nguyên vật liệu… và chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản của doanh nghiệp nên việc quản lý và sử dụng có hiệu quả hàng tồn kho có ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong doanh nghiệp thủy sản nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại khác nhau với đặc điểm về tính chất thương phẩm và điều kiện bảo quản cũng khác nhau. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh sản xuất trong điều kiện môi trường nhiệt độ thấp, đòi hỏi những tiêu chuẩn vô trùng và vệ sinh. Nguyên liệu tươi dễ bị ươn thối, tính thời vụ cao, chất lượng sản phẩm sản xuất ra ảnh hưởng trực tiếp đến người tiêu dùng, thời gian tồn kho cần phải đảm bảo, số lượng và chất lượng phụ thuộc vào điều kiện đánh bắt từ môi trường tự nhiên hoặc nuôi trồng như tôm, cá, mực, cua...

- Giá nguyên liệu thủy sản trong năm thường không ổn định do tính mùa vụ của sản phẩm, khả năng đánh bắt và điều kiện thời tiết khí hậu. Có những thời điểm được mùa nguyên liệu giá giảm, nguồn nguyên liệu dồi dào, bên cạnh đó lại có những tháng trong năm mất mùa hoặc dịch bệnh, mưa bão nhiều làm giá nguyên liệu tăng và nguồn nguyên liệu không đảm bảo cung cấp cho việc thực hiện hợp đồng với khách hàng. Điều này dẫn đến công tác quản lý hàng tồn kho là rất cần thiết.

- Trong các DN thủy sản thì HTK thường xuyên tham gia toàn bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các nghiệp vụ xảy ra thường xuyên với tần suất lớn, qua đó hàng tồn kho luôn biến đổi về mặt hình thái hiện vật và chuyển hoá thành những tài sản ngắn hạn khác như, sản phẩm dở dang hay thành phẩm,...

Xuất phát từ những đặc điểm của hàng tồn kho trong DN thủy sản, tuỳ theo điều kiện quản lý hàng tồn kho ở mỗi doanh nghiệp mà yêu cầu quản lý hàng tồn kho có những điểm khác nhau.

Qua hai mô hình quản lý HTK ở trên cùng với việc nghiên cứu đặc điểm chung về HTK của DN thủy sản, nhận thấy rằng các DN thủy sản Việt Nam phải quản trị tốt HTK như dự báo mô hình, chuẩn hóa quy trình quản lý, các chi phí liên quan đến thất thoát HTK…Lợi ích của việc xác định chính xác lượng HTK cần thiết sẽ giúp công ty tiết kiệm các chi phí lưu kho nên việc áp dụng mô hình EOQ là cần thiết.

**3.2 Thực trạng về công tác quản lý hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến Thủy sản có niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay**

Theo số liệu thống kê các DN thủy sản có niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) thì hiện nay có khoảng 15 DN chế biến thủy sản, thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 1: Các DN thủy sản có niêm yết trên TTCK trên HOSE và HNX**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã CK** | **Vốn hóa TT** | **P/E** | **P/B** |
| (Tr.VNĐ) |
| [FMC](http://finance.vietstock.vn/FMC-ctcp-thuc-pham-sao-ta.htm) | 1.002.300 | 8,2 | 1,53 |
| [VHC](http://finance.vietstock.vn/VHC-ctcp-vinh-hoan.htm) | 5.399.660 | 9,1 | 1,85 |
| [ANV](http://finance.vietstock.vn/ANV-ctcp-nam-viet.htm) | 1.844.818 | 14,1 | 0,92 |
| [HVG](http://finance.vietstock.vn/HVG-ctcp-hung-vuong.htm) | 1.496.538 | 21,88 | 0,6 |
| [DAT](http://finance.vietstock.vn/DAT-ctcp-dau-tu-du-lich-va-phat-trien-thuy-san.htm) | 1.038.414 | 41,07 | 1,93 |
| [SJ1](http://finance.vietstock.vn/SJ1-ctcp-nong-nghiep-hung-hau.htm) | 478.879 | 22,97 | 1,3 |
| [ABT](http://finance.vietstock.vn/ABT-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-ben-tre.htm) | 390.907 | 14,28 | 0,97 |
| [AGF](http://finance.vietstock.vn/AGF-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-an-giang.htm) | 210.823 | 51,02 | 0,35 |
| [ACL](http://finance.vietstock.vn/ACL-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-cuu-long-an-giang.htm) | 189.237 | 6,6 | 0,51 |
| [TS4](http://finance.vietstock.vn/TS4-ctcp-thuy-san-so-4.htm) | 124.721 | 18,11 | 0,46 |
| [AAM](http://finance.vietstock.vn/AAM-ctcp-thuy-san-mekong.htm) | 101.344 | 94,44 | 0,42 |
| [CMX](http://finance.vietstock.vn/CMX-ctcp-che-bien-thuy-san-va-xuat-nhap-khau-ca-mau.htm) | 62.008 | 2,67 | 1,1 |
| [BLF](http://finance.vietstock.vn/BLF-ctcp-thuy-san-bac-lieu.htm) | 37.800 | 2,58 | 0,26 |
| [ICF](http://finance.vietstock.vn/ICF-ctcp-dau-tu-thuong-mai-thuy-san.htm) | 26.254 | 62,12 | 0,21 |
| [NGC](http://finance.vietstock.vn/NGC-ctcp-che-bien-thuy-san-xuat-khau-ngo-quyen.htm) | 18.999 | 22,78 | 0,81 |

Để đánh giá công tác quản lý HTK trong DN chúng ta có thể phân tích chỉ tiêu số vòng quay tồn kho và chỉ tiêu thời gian tồn kho bình quân.

Số vòng quay HTK của các DN thủy sản niêm yết trên TTCK được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2: Số vòng quay HTK của các DN thủy sản niêm yết trên TTCK qua 3 năm 2014-2016**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã CK | **2014** | **2015** | **2016** |
| [FMC](http://finance.vietstock.vn/FMC-ctcp-thuc-pham-sao-ta.htm) | 6,38 | 5,35 | 3,33 |
| [VHC](http://finance.vietstock.vn/VHC-ctcp-vinh-hoan.htm) | 4,29 | 4,13 | 4,96 |
| [ANV](http://finance.vietstock.vn/ANV-ctcp-nam-viet.htm) | 2,32 | 1,72 | 1,97 |
| [HVG](http://finance.vietstock.vn/HVG-ctcp-hung-vuong.htm) | 3,96 | 3,58 | 3,47 |
| [DAT](http://finance.vietstock.vn/DAT-ctcp-dau-tu-du-lich-va-phat-trien-thuy-san.htm) | 18,94 | 17,13 | 18,34 |
| [SJ1](http://finance.vietstock.vn/SJ1-ctcp-nong-nghiep-hung-hau.htm) | 5,74 | 5,6 | 3,33 |
| [ABT](http://finance.vietstock.vn/ABT-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-ben-tre.htm) | 3,61 | 2,95 | 2,8 |
| [AGF](http://finance.vietstock.vn/AGF-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-an-giang.htm) | 2,93 | 1,55 | 3,47 |
| [ACL](http://finance.vietstock.vn/ACL-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-cuu-long-an-giang.htm) | 2,98 | 2,59 | 2,41 |
| [TS4](http://finance.vietstock.vn/TS4-ctcp-thuy-san-so-4.htm) | 1,03 | 0,97 | 1,07 |
| [AAM](http://finance.vietstock.vn/AAM-ctcp-thuy-san-mekong.htm) | 4,11 | 3,19 | 2,56 |
| [CMX](http://finance.vietstock.vn/CMX-ctcp-che-bien-thuy-san-va-xuat-nhap-khau-ca-mau.htm) | 2,37 | 2,06 | 2,4 |
| [BLF](http://finance.vietstock.vn/BLF-ctcp-thuy-san-bac-lieu.htm) | 5,02 | 2,79 | 1,97 |
| [ICF](http://finance.vietstock.vn/ICF-ctcp-dau-tu-thuong-mai-thuy-san.htm) | 0,98 | 0,49 | 0,48 |
| [NGC](http://finance.vietstock.vn/NGC-ctcp-che-bien-thuy-san-xuat-khau-ngo-quyen.htm) | 6,84 | 5,65 | 5,74 |

*( Nguồn: Số liệu được tính từ BCTC các DN)*

Qua số liệu phân tích cho thấy chỉ tiêu số vòng quay của các DN thủy sản niêm yết thấp nhất là 0,48 vòng và cao nhất là 18,94 vòng qua 3 năm 2014,2015 và 2016; mức bình quân của toàn bộ các DN các năm dao động trong khoảng 0,65vòng – 18,14 vòng. Số vòng quay HTK có xu hướng giảm qua 3 năm tại các DN cho thấy việc quản lý HTK là chưa tốt. Cụ thể DN niêm yết có chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho thấp nhất là công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF) giảm từ 0,98 vòng còn 0,48 vòng. DN niêm yết có chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho cao nhất là công ty CP Đầu tư du lịch và phát triển Thủy sản TRISEDCO (DAT), tuy nhiên cũng giảm từ 18,94 vòng còn 18,34 vòng cho thấy hiệu quả quản lý HTK tốt.

Ngoài chỉ tiêu số vòng quay HTK, để đánh giá công tác quản lý HTK có thể sử dụng chỉ tiêu số ngày tồn kho bình quân. Số ngày tồn kho bình quân của các DN thủy sảnniêm yết trên TTCK qua 3 năm 2014-2016 được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2: Số ngày tồn kho bình quân của các DN thủy sản niêm yết trên TTCK qua 3 năm 2014-2016**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã CK | **2014** | **2015** | **2016** |
| [FMC](http://finance.vietstock.vn/FMC-ctcp-thuc-pham-sao-ta.htm) | 57,22 | 68,17 | 109,77 |
| [VHC](http://finance.vietstock.vn/VHC-ctcp-vinh-hoan.htm) | 85,16 | 88,33 | 73,55 |
| [ANV](http://finance.vietstock.vn/ANV-ctcp-nam-viet.htm) | 157,3 | 211,72 | 185,05 |
| [HVG](http://finance.vietstock.vn/HVG-ctcp-hung-vuong.htm) | 92,19 | 102,01 | 105,15 |
| [DAT](http://finance.vietstock.vn/DAT-ctcp-dau-tu-du-lich-va-phat-trien-thuy-san.htm) | 19,27 | 21,31 | 19,9 |
| [SJ1](http://finance.vietstock.vn/SJ1-ctcp-nong-nghiep-hung-hau.htm) | 63,62 | 65,15 | 109,47 |
| [ABT](http://finance.vietstock.vn/ABT-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-ben-tre.htm) | 101,19 | 123,86 | 130,19 |
| [AGF](http://finance.vietstock.vn/AGF-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-an-giang.htm) | 124,71 | 234,77 | 105,23 |
| [ACL](http://finance.vietstock.vn/ACL-ctcp-xuat-nhap-khau-thuy-san-cuu-long-an-giang.htm) | 122,61 | 141,05 | 151,54 |
| [TS4](http://finance.vietstock.vn/TS4-ctcp-thuy-san-so-4.htm) | 354,38 | 374,98 | 342,02 |
| [AAM](http://finance.vietstock.vn/AAM-ctcp-thuy-san-mekong.htm) | 88,8 | 114,59 | 142,49 |
| [CMX](http://finance.vietstock.vn/CMX-ctcp-che-bien-thuy-san-va-xuat-nhap-khau-ca-mau.htm) | 154,14 | 177,42 | 152,13 |
| [BLF](http://finance.vietstock.vn/BLF-ctcp-thuy-san-bac-lieu.htm) | 72,77 | 131,04 | 185,52 |
| [ICF](http://finance.vietstock.vn/ICF-ctcp-dau-tu-thuong-mai-thuy-san.htm) | 372,14 | 741,79 | 765,61 |
| [NGC](http://finance.vietstock.vn/NGC-ctcp-che-bien-thuy-san-xuat-khau-ngo-quyen.htm) | 53,36 | 64,59 | 63,61 |

*( Nguồn: Số liệu được tính từ BCTC các DN)*

Qua số liệu ở trên nhận thấy DN nào có số vòng quay hàng tồn kho càng lớn thì số ngày hàng tồn kho càng thấp lại, điều này chứng tỏ hoạt động quản lý hàng tồn kho của DN càng hiệu quả. Trong 3 năm 2014-2016 DN thủy sản có số vòng quay hàng tồn kho lớn nhất là công ty CP Đầu tư du lịch và phát triển Thủy sản TRISEDCO (DAT) thì lại có số ngày tồn kho bình quân thấp, tương ứng là từ 19,17 đến 19,9 ngày. Còn lại đa số các DN có số ngày tồn kho bình quân thường xuyên ở mức trên 100 ngày. DN có số ngày tồn kho bình quân lớn nhất là công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF).

Không thể phủ nhận tính ưu việt của những chỉ số tài chính trong việc đánh giá định tính và định lượng về một hoạt động nào đó trong DN. Thông qua các chỉ số tài chính trên đã phần nào đánh giá được công tác quản lý HTK, nhận thấy một vài DN quản lý HTK tốt, tuy nhiên cũng còn nhiều DN việc quản lý HTK chưa thực sự hiệu quả, nguyên nhân của việc quản lý HTK chưa tốt đó là:

- Nhiều DN chưa áp dụng mô hình quản lý HTK, điều này dẫn đến DN chưa xác định được lượng dự trữ an toàn vì cho rằng tại thời điểm đặt hàng, lượng nguyên vật liệu nhập khẩu tồn kho vẫn đủ đáp ứng nhu cầu. Vì vậy DN cần xác định lượng đặt hàng tối ưu, giúp tối thiểu hóa chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho.

- Hệ thống sổ sách kế toán HTK chưa được hoàn thiện. Có thể nói hệ thống sổ sách kế toán HTK đóng vai trò quan trọng trong quản lý HTK, tránh những sai sót, gian lận hoặc nhầm lẫn có thể xảy ra trong mọi hoạt động liên quan đến hàng tồn kho.

- Hiệu quả quản lý và sử dụng hàng tồn kho qua 3 năm tại một số DN có xu hướng giảm. Điều này làm cho DN tăng chi phí, giảm tốc độ luân chuyển vốn, giảm doanh thu và lợi nhuận. Qua đó có thể đánh giá được công tác quản lý HTK chưa đảm bảo từ khâu luân chuyển chứng từ, theo dõi HTK trên tài khoản chi tiết, xây dựng định mức HTK đến công tác lập dự toán, lập báo cáo HTK.

**3. Một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến Thủy sản có niêm yết trên TTCK Việt Nam hiện nay**

Để có thể nâng cao hiệu quả của quản lý hàng tồn kho, góp phần làm giảm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh đòi hỏi các DN thủy sản có niêm yết trên TTCK cần triển khai các biện pháp khác nhau. Cụ thể:

*Thứ nhất là cần phải xây dựng mô hình quản lý HTK hiệu quả*

Ngành thủy sản ở Việt Nam vẫn là ngành mà công nghệ chế biến còn đơn giản, hàm lượng giá trị chưa cao, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là dạng sơ chế cấp đông, dù hoạt động ở môi trường cạnh tranh cao nhưng công tác quản lý HTK chưa được quan tâm nhiều. Để quản lý HTK tốt hơn các DN cần triển khai áp dụng mô hình quản trị HTK, cụ thể là mô hình EOQ vì nếu triển khai mua theo số lượng đã tính toán thì không những sẽ tiết kiệm được chi phí tồn kho mà còn đáp ứng được nhu cầu, giảm bớt được thời gian lưu kho.

*Thứ hai là cần hoàn thiện hệ thống tài khoản chi tiết.*

HTK của DN thuỷ sản rất đa dạng nên cần xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết cho từng loại, từng nhóm hàng thuỷ sản phục vụ cho nhu cầu quản trị của doanh nghiệp. DN căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng cho DN để chi tiết hóa theo các cấp phù hợp với kế hoạch, dự toán đã lập và yêu cầu cung cấp thông tin kế toán quản trị cho các nhà quản lý DN. Ví dụ chi tiết cho từng loại cá, từng loại tôm, … Tuy nhiên, việc chi tiết hóa các tài khoản phải đảm bảo không được làm sai lệch nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép trên tài khoản...

*Thứ ba là hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán*

Hệ thống sổ sách kế toán của DN cần phản ánh được những thông tin về lượng hàng tồn kho đang có, tình hình mua, bán hàng tồn kho cũng như tình hình sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, giá trị sản phẩm dở dang và giá thành phẩm nhập kho. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ cũng cần phải chặt chẽ Chứng từ bao gồm sổ chi tiết, sổ phụ, sổ cái, các báo biểu liên quan. Đối với DN thuỷ sản thì hệ thống sổ sách kế toán nên xây dựng thêm các chỉ tiêu phục vụ nhu cầu quản trị nhưng không làm sai lệch các chỉ tiêu trên sổ. DN căn cứ vào hệ thống sổ kế toán do Bộ Tài chính ban hành để có thể thiết kế các mẫu sổ phù hợp với yêu cầu quản lý theo các loại hàng tồn kho, theo từng bộ phận, từng công việc và các yêu cầu khác của kế toán quản trị.

*Thứ tư là cần lập báo cáo quản trị hàng tồn kho*

HTK trong DN thuỷ sản là khoản mục chiếm tý trọng lớn trong tổng tài sản nên các nhà quản trị luôn luôn cần thông tin kịp thời, đúng lúc để đưa ra các quyết định đúng đắn, vì vậy định kỳ cần lập báo cáo quản trị hàng tồn kho. Báo cáo quản trị HTK cần phản ánh một cách chi tiết tình hình hàng tồn kho của DN theo từng loại, từng cấp độ hàng tồn kho một cách chi tiết. Báo cáo quản trị hàng tồn kho cần chi tiết cho cả số dự toán và số thực tế để so sánh, đánh giá và tìm nguyên nhân sử dụng HTK hiệu quả hay không hiệu quả. Việc xây dựng biểu mẫu báo cáo cần được đảm bảo các yếu tố cụ thể sau:

- Phải ghi thông tin kế toán thực tế, số liệu kế hoạch hoặc dự toán làm căn cứ so sánh, đánh giá khi sử dụng thông tin trong báo cáo kế toán nhằm phục vụ cho yêu cầu sử dụng thông tin.

- Phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu chi tiết, cụ thể do yêu cầu quản trị kinh doanh đặt ra như các khoản mục chi tiết của giá cho từng loại HTK.

*Thứ năm là hoàn thiện việc lập dự toán hàng tồn kho*

Đối với DN thuỷ sản thì HTK luôn luôn biến động, hơn nữa nếu không bảo quản tốt có thể bị hư hỏng nhiều nên DN cần lập dự toán HTK. Dự toán về hàng tồn kho cần được xây dựng chính xác, tiên tiến, phù hợp với khả năng, điều kiện của doanh nghiệp vì nó là một trong những dự toán cơ bản, quan trong trong hệ thống dự toán của DN. Dự toán HTK có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức, quản lý, sử dụng có hiệu quả hang thuỷ sản, tiền vốn của doanh nghiệp. Dự toán hàng tồn kho thường được lập hàng quý, hàng năm nhằm đảm bảo cho việc phân tích, đánh giá.

*Thứ sáu là xây dựng định mức hàng tồn kho tối thiểu*

 DN thuỷ sản nên xây dựng định mức HTK tối thiểu vì HTK trong DN thuỷ sản đa dạng. DN cần xác định định mức để có thể kiểm soát chi phí thực tế và thực hiện tiết kiệm chi phí một cách có hiệu quả. Khi lập định mức tồn kho và thường xuyên đối chiếu để lập yêu cầu mua thêm hàng hóa nhập kho. Mục đích là đảm bảo kho hàng luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu kinh doanh một giai đoạn nào đó. Định mức tồn kho tối thiểu là lượng hàng hóa/vật tư nguyên liệu tối thiểu cần trữ ở trong kho nhằm đáp ứng cho các trường hợp phát sinh. Việc xác định định mức tồn kho tối thiểu nhằm giúp doanh nghiệp có thể cung ứng hàng hóa kịp thời phục vụ nhu cầu khách hàng khi có các trường hợp phát sinh về nhu cầu nhưng đồng thời phải giảm thiểu và hạn chế tối đa các chi phí tồn kho của công ty. Khi xây dựng bảng định mức tồn kho tối thiểu gồm các bước:

- Lập báo cáo bán hàng từng tuần/tháng/quý

- So sánh lượng hàng bán ra theo từng quý/tháng

- Nghiên cứu về các chu kì bán hàng và nhu cầu hàng hóa trong năm

- Gom các tuần, tháng, quý mà có lượng hàng bán ra gần giống nhau

- Xác định lượng bán hàng trung bình của các khoảng thời gian giống nhau trung bình tháng, quý.

- So sánh các chênh lệch giữa các khoảng thời gian trên

**4. Kết luận**

Trong bối cảnh nền kinh tế đất nước như hiện nay, các DN Thủy sản đang từng bước nỗ lực trong kinh doanh góp phần vào sự phát triển chung của đất nước với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng, tối đa hóa lợi nhuận,…Để đạt được mục tiêu này, các DN không thể không chú trọng tới công tác quản lý hàng tồn kho. Quản lý hàng tồn kho đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc [quản lý hàng tồn kho](http://tapchitaichinh.vn/tags/IHF14bqjbiB0cuG7iyBow6BuZyB04buTbiBraG8=/quan-tri-hang-ton-kho.html) tốt sẽ giúp DN nắm bắt được những đối tượng hàng tồn kho cụ thể để có thể đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn góp phần tăng doanh thu, giảm chi phí cho DN.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Bộ Tài chính (2006), *Thông tư 53/2006/TT-BTC hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong các DN*

[2] Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, *Báo cáo thường niên năm 2014,2015,2016 của các DN.*

[3] Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, *Báo cáo thường niên năm 2014,2015,2016 của các DN.*

[4] PGS.TS Trương Bá Thanh (2009), *Giáo trình Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản giáo dục

[5] <http://finance.vietstock.vn/>

[6] <http://tapchitaichinh.vn/thi-truong-tai-chinh/chung-khoan/quan-tri-hang-ton-kho-tai-cac-doanh-nghiep-niem-yet-tren-thi-truong-chung-khoan-viet-nam-126916.html>

[7] <http://vasep.com.vn>